

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/DS-ST
Ngày: 02/8/2017
“*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp
hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Cường

Bà Dương Thị Sáu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hùng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Minh Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

(Chị T, chị S có mặt; anh Đ, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:

Do quen biết, nên chị có chơi hụi do chị S làm đầu thảo, các dây hụi sau:

1. Hụi 2.000.000 đồng dây mở ngày 12/01/2015 gồm 16 phần, chị chơi 02 dây hụi, đóng cho chị S 15 phần, dây hụi mãi. Tổng số tiền là 58.000.000 đồng, nhưng chị và chị S có trừ hụi tháng 3, nên còn lại là 51.060.000 đồng.

2. Hụi 2.000.000 đồng dây mở ngày 12/3/2015 gồm 16 phần, chơi hai dây hụi, đóng cho chị S 14 phần, dây hụi mãi. Tổng số tiền là 54.000.000 đồng.

3. Hụi 1.500.000 đồng dây mở ngày 12/11/2016 dây, đóng được 6 phần là 9.000.000 đồng.

4. Hụi 1.400.000 đồng dây mở ngày 12/3/2016 dây, đóng được 02 phần là 2.800.000 đồng.

Tiền hụi mà chị S còn thiếu chị là 116.860.000 đồng.

Ngoài ra, chị S còn mượn của chị 25.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k. Hiện nay 03 chỉ vàng 24K khoảng 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi và tiền vay mà chị S còn nợ chị là 151.860.000 đồng.

Do đó, chị và chị S có làm giấy kết lại số nợ mà chị S còn thiếu, có xác nhận của trưởng Ấp 5, xã N là ông Nguyễn Thanh P. Dòng chữ “Tôi hứa mỗi tháng tôi trả 1.000.000 (Một triệu đồng chẵn) vào 12 tây hàng tháng” là của chị S, ngoài ra chị S còn ký và ghi rõ họ tên của mình.

Chị S chơi hụi cũng như mượn tiền chị để về trang trải cuộc sống trong gia đình, hiện nay chị S và chồng là anh Đ vẫn còn sống chung, do đó, chị yêu cầu anh Đ liên đới trả cho chị số tiền 151.860.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của Chị T về quá trình góp hụi cũng như việc vay tiền giữa chị và Chị T cụ thể như sau:

1. Ngày 12/01/2015 Chị T có tham gia góp hụi 2.000.000 đồng, gồm 16 phần, Chị T đóng cho 15 phần với tổng số tiền là 58.000.000 đồng, chị và Chị T có trừ hụi của tháng 3, nên còn lại là 51.060.000 đồng.

2. Ngày 12/3/2015 Chị T có tham gia góp hụi 2.000.000 đồng, gồm 14 phần, Chị T đóng được 14 phần với tổng số tiền là 54.000.000 đồng.

3. Ngày 12/11/2016 dây hụi 1.500.000 đồng dây, đóng được 6 phần là 9.000.000 đồng.

4. Ngày 12/3/2016 dây hụi 1.400.000 đồng dây, đóng được 02 phần là 2.800.000 đồng.

Ngoài ra, chị còn mượn của Chị T 25.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k. Hiện nay 03 chỉ vàng 24K khoảng 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi và tiền vay mà chị còn nợ lại Chị T là 151.860.000 đồng.

Sau đó, giữa chị và Chị T có làm giấy kết lại số nợ, dòng chữ “Tôi hứa mỗi tháng tôi trả 1.000.000 (Một triệu đồng chẵn) vào 12 tây hàng tháng” là của chị, ngoài ra chị còn ký và ghi rõ họ tên của mình.

Phần lớn số tiền mà chị tham gia chơi hụi cũng như mượn tiền của Chị T đều trang trải cho các dây hụi, phần nhỏ còn lại để phục vụ sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Chị và chồng tên Trương Minh Đ đã không còn sống chung, nên chồng chị không có nghĩa vụ liên đới cùng chị trả nợ cho Chị T. Hơn nữa, hiện nay hoàn cảnh kinh tế chị rất khó khăn, nên xin Chị T cho trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2017 ông Trương Minh Đ trình bày: Anh là chồng của chị S, hiện nay tuy chị S thì ở Ấp 5, còn anh thì ở Ấp 6 xã N, huyện B, tỉnh Long An, nhưng quan hệ vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn. Đối với Chị T thì anh có biết, nhưng việc chị S và Chị T tham gia chơi hụi và vay tiền thì không biết. Do đó, việc Chị T yêu cầu anh liên đới cùng chị S trả nợ, anh không đồng ý. Ngoài ra, anh xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2017 người làm chứng Anh Nguyễn Thanh P trình bày: Vào ngày 21/5/2017 tại nhà của Chị T ở Ấp 5, xã N, anh có chứng kiến chị S viết giấy nợ thiếu tiền hụi và tiền mượn của Chị T. Ngoài ra, anh P làm đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, nên tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay, Chị T, chị S vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình, không bổ sung gì thêm. Anh P và anh Đ vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Xét thấy các đương sự đã thống nhất việc cho vay và chơi hụi, số tiền chị S nợ hụi và thống nhất số tiền phải trả theo giấy vay tiền. Trước yêu cầu của Chị T, chị S đồng ý nhưng xin trả dần, Chị T không đồng ý, Chị T yêu cầu chị S và chồng là anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 151.860.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S trình bày là vợ chồng chị không còn sống chung, nhưng tại biên bản lấy lời khai anh Đ và biên bản xác minh tại địa phương, thì quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị S vẫn bình thường. Hơn nữa, số tiền mà chị S tham gia chơi hụi cũng như mượn tiền của Chị T một phần là để phục vụ sinh hoạt hằng ngày trong gia đình, vì hôn nhân giữa anh Đ và chị S là hợp pháp nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình, thì anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị S trả cho Chị T số tiền 151.860.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Chị T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu S và anh Trương Minh Đ liên đới trả cho chị số tiền 151.860.000 đồng từ việc chơi hụi và vay tiền. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh Đ và người làm chứng Anh Nguyễn Thanh P không có mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Chị T và chị S đều trình bày thống nhất về quá trình tham gia góp hụi cũng như vay tiền. Chị S thừa nhận còn nợ lại Chị T số tiền 151.860.000 đồng. Do đó, lời trình bày của Chị T là chị S còn nợ chị 151.860.000 đồng là có căn cứ.

Chị T yêu cầu chị S và chồng là anh Trương Minh Đ trả chị số tiền 151.860.000 đồng, nhưng chị S và anh Đ không đồng ý với lý do chị S trình bày là vợ chồng chị đã không còn sống chung, còn anh Đ thì cho rằng việc chị vay mượn nợ của Chị T, anh không biết. Hội đồng xét xử thấy rằng, lời trình bày của chị S và anh Đ là không có căn cứ bởi lẽ tại biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với anh Trương Minh Đ, thì anh Đ trình bày là quan hệ giữa anh và chị S vẫn bình thường và tại biên bản xác minh của Tòa án thể hiện vợ chồng chị S anh Đ không có mâu thuẫn, hằng ngày chị S vẫn về chỗ anh Đ nuôi vịt lấy trứng vịt đem đi bán. Chị S trình bày là vợ chồng chị đã sống ly thân, nhưng chưa ly hôn, do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Đ là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S thừa nhận số tiền mà chị tham gia chơi hụi cũng như mượn của Chị T có một phần chị dùng để trang trải sinh hoạt trong gia đình và nuôi con đi học. Do đó, Chị T yêu cầu chị S và anh Đ liên đới trả nợ cho chị là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, chị S yêu cầu Chị T cho chị trả dần, với phương thức thanh toán mỗi tháng là 500.000 đồng, nhưng Chị T không đồng ý, pháp luật hiện nay cũng không quy định phương thức trả dần, nên cần buộc chị S anh Đ liên đới trả Chị T số tiền 151.860.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị S và anh Đ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 151.860.000 đồng, hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo quy định tại Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” đối với chị Nguyễn Thị Thu S.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu S và anh Trương Minh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Kim T số tiền 151.860.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không hoàn trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Trương Minh Đ liên đới nộp 7.593.000 đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Kim T 6.046.500 đồng tiền tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005305 ngày 02/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- THA huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngọc Hiền

